TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HS-ST
Ngày 18-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Sinh.

Ông Bùi Tấn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Huỳnh Thị Thu T**, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2003 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi thường trú: Thôn MH, xã BD, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Tấn L và bà Trần Thị Kim A; chồng, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2023 đến nay. Bị cáo đang giam có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2001 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi thường trú: tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: không xác định; con bà Nguyễn Thị Q; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2023 đến nay, bị cáo đang giam có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Phạm Thị Đ (tên gọi khác: K), sinh năm 1994. Nơi thường trú: Thôn M, xã B, huyện BT, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: Thôn T1, xã BĐ, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Phan Thanh V, sinh năm 1999. Nơi thường trú: Xóm 3, thôn P, xã Bình T, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

+ Anh Võ Lê N, sinh năm 1997. Nơi thường trú: Thôn A, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 2003, ở tại thôn Thôn MH, xã BD, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi và Phạm Thị Đ, sinh năm 1994, ở tại thôn Thôn M, xã B, huyện BT, tỉnh Quảng Ngãi có mối quan hệ quen biết nhau và ở chung phòng trọ tại thôn ĐB, xã BC, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Do không có tiền tiêu xài nên Huỳnh Thị Thu T bàn bạc với Nguyễn Văn T, sinh năm 2001, ở tại tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi về việc hỏi mượn xe mô tô mang biển kiểm soát 76K1 – 179.XX của Phạm Thị Đ để mang đi thế chấp lấy tiền tiêu xài thì Nguyễn Văn T đồng ý. Sau khi bàn bạc xong, Nguyễn Văn T điện thoại nhờ Phan Thanh V, sinh năm 1999, ở tại xóm 3, thôn P, xã Bình T, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi tìm chỗ nhận thế chấp xe mô tô nhưng không cần giấy tờ xe thì Phan Thanh V đồng ý.

Đến ngày 08/12/2022, Phan Thanh V thông báo cho Nguyễn Văn T là đã tìm được chỗ nhận thế chấp xe mô tô nhưng không cần giấy tờ xe. Sau đó, Nguyễn Văn T mượn xe mô tô không rõ biển kiểm soát của một người bạn (không xác định được nơi cư trú) điều khiển chở Huỳnh Thị Thu T từ thành phố Q đến phòng trọ của Phạm Thị Đ tại thôn Đ, xã BC, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi để hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.XX. Khi đến nơi, Nguyễn Văn T đứng bên ngoài còn Huỳnh Thị Thu T vào bên trong phòng trọ gặp Phạm Thị Đ hỏi mượn xe mô tô của Phạm Thị Đ đi chuộc điện thoại nhưng mục đích là để chiếm đoạt thì Phạm Thị Đ tin tưởng là thật nên đồng ý cho mượn.

Sau khi mượn được xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.XX của Phạm Thị Đ thì Huỳnh Thị Thu T điều khiển xe chạy vào phòng trọ của Nguyễn Văn T tại tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi rồi đưa xe mô tô nói trên cho Nguyễn Văn T và Phan Thanh V mang xe đến thế chấp cho Võ Lê N, sinh năm 1997, ở tại thôn A, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi thế chấp với số tiền là 10.000.000đồng. Nguyễn Văn T về đưa cho Huỳnh Thị Thu T số tiền là 8.500.000đồng. Sau đó, Nguyễn Văn T và Huỳnh Thị Thu T cùng nhau sử dụng tiêu xài cá nhân hết số tiền nói trên. Số tiền còn lại là 1.500.000đồng Nguyễn Văn T làm rơi khi đi trên đường từ nhà Võ Lê N về phòng trọ của mình.

Phạm Thị Đ sau khi cho Huỳnh Thị Thu T mượn xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.XX nhưng không thấy Huỳnh Thị Thu T mang xe về trả nên nhiều lần liên lạc yêu cầu Huỳnh Thị Thu T trả lại xe nhưng Huỳnh Thị Thu T không chịu trả xe đến ngày 11/01/2023, Phạm Thị Đ đến Công an xã Bình Chánh trình báo sự

việc. Quá trình tiếp nhận và xác minh ban đầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn đã thu giữ được xe mô tô 76K1 – 179.XX nói trên.

Tại bản kết luận định giá số 06/KL.HĐĐGTS ngày 06/02/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Bình Sơn kết luận xe mô tô mang biển kiểm soát 76K1 – 179.XX có giá trị là 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Tại Bản Cáo trạng số 24/CT-VKS-BS ngày 24/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T đều về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T đều khai nhận nội dung như trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T đều về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Thu T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù;

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với Phan Thanh V: Khi được Nguyễn Văn T nhờ mang xe mô tô 76K1 – 179.XX đi thế chấp để mượn tiền của Võ Lê N thì Phan Thanh V không biết xe mô tô này là tài sản do Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với Võ Lê N: Khi cho Nguyễn Văn T mượn tiền và Nguyễn Văn T để lại xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.XX cho Võ Lê N để tạo sự tin tưởng thì Võ Lê N không biết xe mô tô này là tài sản do Nguyễn Văn T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu honda Vision mang biển kiểm soát 76K1 – 179.XX là tài sản của chị Phạm Thị Đ, 01 chứng minh nhân dân của Nguyễn Văn T Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn đã trả lại tài sản, giấy tờ trên trên cho chủ sở hữu.

Vấn đề dân sự: Xe mô tô 76K1 – 179.XX Phạm Thị Đ đã nhận lại và không có yêu cầu khiếu nại gì thêm. Đối với số tiền 10.000.000 đồng Nguyễn Văn T mượn của Võ Lê N, Võ Lê N không yêu cầu Nguyễn Văn T trả lại nên vấn đề dân sự trong vụ án đã được giải quyết xong, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của các bị cáo: Các bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T không bào chữa và tranh luận gì về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng khác: Không có.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thu thập và người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[1.2] Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.3] Việc vắng mặt của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa nhưng hồ sơ vụ án thể hiện đã có lời khai của họ, xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng được thu giữ; các tài liệu về hiện trường; định giá tài sản và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T không có tiền tiêu xài nên Huỳnh Thị Thu T bàn bạc với Nguyễn Văn T về việc hỏi mượn xe mô tô mang biển kiểm soát 76K1 – 179.XX của chị Phạm Thị Đ là bạn cùng phòng trọ của Huỳnh Thị Thu T mang đi thế chấp lấy tiền tiêu xài thì Nguyễn Văn T đồng ý. Sau khi bàn bạc xong, Nguyễn Văn T nhờ Phan Thanh V tìm chỗ nhận thế chấp xe mô tô nhưng không cần giấy tờ xe thì Phan Thanh V đồng ý. Đến ngày 08/12/2022, Phan Thanh V báo cho Nguyễn Văn T đã tìm được chỗ nhận thế chấp xe mô tô không cần giấy tờ xe. Cùng ngày, Nguyễn Văn T

mượn xe mô tô không rõ biển kiểm soát của một người bạn (không xác định được nơi cư trú) chở Huỳnh Thị Thu T từ phòng trọ của Nguyễn Văn T ở tổ X, phường N, thành phố Q đến phòng trọ của Phạm Thị Đ ở thôn Đ, xã BC để Huỳnh Thị Thu T mượn xe mô tô như cả hai đã bàn bạc trước đó. Khi đến nơi, Nguyễn Văn T đứng bên ngoài còn Huỳnh Thị Thu T vào bên trong phòng trọ gặp Phạm Thị Đ hỏi mượn xe mô tô của Phạm Thị Đ đi vào xã Bình Nguyên chuộc điện thoại nhưng mục đích là để chiếm đoạt thì Phạm Thị Đ tin tưởng và đồng ý cho mượn. Sau khi mượn được xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.XX của Phạm Thị Đ thì Huỳnh Thị Thu T điều khiển xe chạy vào phòng trọ của Nguyễn Văn T rồi đưa xe mô tô nói trên cho Nguyễn Văn T và Phan Thanh V mang xe đến gặp Võ Lê N để thế chấp lấy tiền tiêu xài.

Khi Nguyễn Văn T cùng với Phan Thanh V đến gặp Võ Lê N thì Nguyễn Văn T trực tiếp nói chuyện với Võ Lê N về việc thế chấp xe mô tô nói trên thì Võ Lê N đồng ý cho Nguyễn Văn T mượn số tiền là 10.000.000đồng, để tạo lòng tin Nguyễn Văn T viết giấy mượn tiền cũng như để lại xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.XX mà Nguyễn Văn T nhận là xe của Nguyễn Văn T và một chứng minh nhân dân của Nguyễn Văn T cho Võ Lê N, hẹn 01 tháng sẽ trả lại số tiền mượn nói trên. Sau khi lấy được tiền thì Nguyễn Văn T về đưa cho Huỳnh Thị Thu T 8.500.000đồng, Nguyễn Văn T và Huỳnh Thị Thu T cùng nhau sử dụng tiêu xài cá nhân hết số tiền này; riêng đối với số tiền còn lại là 1.500.000đồng Nguyễn Văn T làm rơi khi đi trên đường từ nhà Võ Lê N về phòng trọ của mình. Chị Phạm Thị Đ nhiều lần liên lạc với Huỳnh Thị Thu T để đòi lại xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.XX thì Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T đều né tránh không gặp mặt, không nghe điện thoại và không trả lại xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.XX cho Phạm Thị Đ.

Ngày 06/02/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Bình Sơn kết luận xe mô tô mang biển kiểm soát 76K1 – 179.XX có giá trị là 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Như vậy, hành vi của các bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, vai trò, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T đều là những người có đủ năng lực nhận thức, điều khiển hành vi nhưng lười lao động, xem thường pháp luật; hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại chị Phạm Thị Đ, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa bàn xã Bình Chánh nói riêng, huyện Bình Sơn nói chung.

Trong vụ án này, Huỳnh Thị Thu T là người đề xướng thực hiện hành vi phạm tội cũng như trực tiếp tham gia vào việc thực hiện hành vi phạm tội là nói dối chị Phạm Thị Đ mượn xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.3XX để đi vào xã Bình Nguyên chuộc lại điện thoại nhưng sau đó chiếm đoạt xe mô tô nói trên để

thế chấp lấy tiền tiêu xài; còn Nguyễn Văn T là người thực hành tích cực từ việc tìm kiếm chỗ nhận thế chấp xe mô tô không giấy tờ, chở Huỳnh Thị Thu T đến nhà trọ của chị Phạm Thị Đ để Huỳnh Thị Thu T vào lừa mượn xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.XX của chị Phạm Thị Đ đến việc mang xe nói trên đi tìm chỗ thế chấp lấy tiền cả hai tiêu xài. Vì vậy, Nguyễn Văn T đã đồng phạm với Huỳnh Thị Thu T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, hành vi của hai bị cáo là như nhau trong vụ án. Do đó, cần phải xử phạt mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có thời gian cải tạo bản thân và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T đều không có việc làm, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[2.5.] Về một số vấn đề có liên quan khác:

[2.5.1] Đối với Phan Thanh V: Khi được Nguyễn Văn T nhờ tìm chỗ thế chấp xe không cần giấy tờ cũng như cùng với Nguyễn Văn T mang xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.XX đi thế chấp để mượn tiền của Võ Lê N thì Huỳnh Thị Thu T nói với Phan Thanh V xe này của ba mẹ Huỳnh Thị Thu T mua cho Huỳnh Thị Thu T sử dụng; Phan Thanh V không biết xe mô tô này là tài sản do Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5.2] Đối với Võ Lê N: Khi Nguyễn Văn T đến tìm Võ Lê N để thế chấp xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.XX thì Nguyễn Văn T nói đó là tài sản của mình, viết giấy mượn tiền, để lại xe mô tô nói trên cùng chứng minh nhân dân của Nguyễn Văn T làm tin, hẹn 01 tháng sẽ trả vì vậy Võ Lê N tin tưởng cho Nguyễn Văn T mượn 10.000.000đồng; Võ Lê N không biết xe mô tô này là tài sản do Nguyễn Văn T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý Võ Lê N là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.6] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu honda Vision mang biển kiểm soát 76K1 – 179.XX là tài sản của chị Phạm Thị Đ; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô nói trên cho

chị Phạm Thị Đ; chứng minh nhân dân cho Nguyễn Văn T là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.7] Về vấn đề dân sự: Đối với xe mô tô biển kiểm soát 76K1 – 179.XX Phạm Thị Đ đã nhận lại và không có yêu cầu khiếu nại gì thêm. Đối với số tiền 10.000.000 đồng Nguyễn Văn T mượn của Võ Lê N, Võ Lê N không yêu cầu Nguyễn Văn T trả lại. Do đó, vấn đề dân sự trong vụ án đã được giải quyết xong Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi: Về đề nghị áp dụng pháp luật; tội danh; mức hình phạt; hình phạt bổ sung; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân; trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng và một số vấn đề có liên quan khác như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Xét ý kiến tranh luận*:* Các bị cáo không có tranh luận gì nên không xét.

[5] Xét lời nói sau cùng của các bị cáo: Lời nói sau cùng của các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo tương ứng với tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Thu T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Huỳnh Thị Thu T 01 (một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/4/2023.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/4/2023.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T.

4. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

5. Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc: Bị cáo Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2023).

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết nơi cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nếu có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm đối với phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm đối với phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi (Phòng 7);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Nhà tạm giữ - Công an huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an (Đội ĐTTH, Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ); VKSND; Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Dương, huyện Bình Sơn;
- UBND phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Thị Tương